

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Năng lực đặc thù:**

- củng cố đặc điểm, cách vẽ và cách đọc tên HCN và HV.
- rèn kĩ năng nhận biết, vẽ và đọc tên HCN, HV.

2. Năng lực chung:

- HS có cơ hội phát triển NL mô hình toán học; NL sử dụng công cụ, phương tiện toán học; NL giải quyết vấn đề toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: máy tính; PHT – khởi động, Bài 1; ê ke; thước kẻ có chia vạch.

2. Học sinh: ê ke, thước kẻ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**1. Khởi động:**

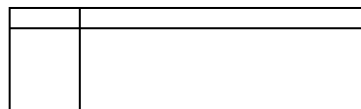
Trò chơi: “Tôi là ai?”

- GV chia lớp thành 6 nhóm rồi phát cho mỗi nhóm một PHT có một số hình học và yêu cầu: Hãy cho biết những hình sau thuộc loại hình học nào?
- Tổ chức cho HS tham gia trò chơi trong vòng 2 phút. Nhóm nào đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng.
- Chú ý: Sử dụng thước kẻ và ê ke để kiểm tra các hình.
- Kiểm tra, nhận xét và công bố kết quả.

- HS thực hiện trò chơi theo nhóm.

2. Luyện tập:

Bài 1: Có bao nhiêu hình chữ nhật trong hình sau:



- Gọi HS nêu đề bài.
- HCN có đặc điểm gì?
- Để kiểm tra hình đó có phải HCN không, ta có thể sử dụng dụng cụ nào?
- GV phát cho mỗi nhóm HS một PHT có hình trên để kiểm tra và xác định số HCN.
- Y/c HS thực hành theo nhóm để xác định số HCN.
- GV quan sát, hỗ trợ một số nhóm HS nếu cần.
- Gọi một số đại diện HS nêu kết quả.
- Nhận xét, đưa kết quả và tuyên dương HS.

- 1 HS đọc đề bài trước lớp.
- HS nêu đặc điểm của HCN.
- Sử dụng ê ke, thước kẻ.

- HS nhận PHT rồi thực hiện làm việc theo nhóm để xác định và đếm số lượng HCN có trong bài.

- Đại diện một số HS nêu kết quả trước lớp: có tất cả 9 HCN.
- Nhận xét.

□GV chốt: Đặc điểm của HCN: 4 đỉnh đều là góc vuông; 4 cạnh: 2 cạnh dài bằng

nhau (chiều dài), 2 cạnh ngắn bằng nhau (chiều rộng).

Bài 2: Hãy vẽ hình vuông sau rồi đặt tên cho hình vuông đó.

a. 3 cm

b. 1 dm

- Hình vuông có đặc điểm gì?
- Để vẽ được HV thì cần những dụng cụ nào?
- YCHS thực hành vẽ hình vuông.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

- HS nêu đặc điểm của HV.
- Cần sử dụng ê ke và thước kẻ.
- HS trao đổi nhóm đôi cách vẽ hình vuông.
- HS thực hành vẽ theo hướng dẫn của GV và đặt tên cho HV đó.

□ GV chốt KT:

- Đặc điểm của HV: 4 đỉnh đều là góc vuông; 4 cạnh bằng nhau.
- Cách vẽ hình vuông theo kích thước đã cho.

Bài 3: Vẽ hình chữ nhật MNPQ có chiều dài 1 dm, chiều rộng 3 cm.

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài toán.
- Theo em, trước khi vẽ hình chữ nhật cần phải làm gì?
- Nêu các bước vẽ hình chữ nhật.
- Cho HS thực hành vẽ hình chữ nhật MNPQ theo yêu cầu của bài toán.
- Hỗ trợ một số HS chậm.

- HS nêu yêu cầu của bài toán.
- Cần phải đổi 1 dm = 10 cm.

- HS nêu các bước vẽ HCN.
- HS thực hiện vẽ hình chữ nhật MNPQ.

□ GV chốt KT: Cách vẽ HCN theo kích thước cho trước bằng thước kẻ, ê ke.

3. Vận dụng:

Bài 4: Em hãy vẽ một hình chữ nhật hoặc một hình vuông tùy thích rồi trang trí hình đó.

- YCHS đọc đề bài.
- Nêu đặc điểm của HCN, HV.
- Dựa vào đặc điểm của các hình và sở thích của bản thân, em hãy lựa chọn rồi vẽ và trang trí một hình vuông hoặc một hình chữ nhật theo ý thích của mình.
- Quan sát, hỗ trợ HS.
- Nhận xét, đánh giá.

- 1 HS đọc đề bài trước lớp.
- 2 HS nêu đặc điểm của HCN, đặc điểm của HV.
- HS lựa chọn và thực hành vẽ, trang trí hình.

□ GV chốt KT: Củng cố cách vẽ HCN, HV.

- Nêu đặc điểm của HCN, HV.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách tính chu vi HCN, chu vi HV.

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài. - Bài toán yêu cầu làm gì? Bài toán cho biết gì? - YCHS trình bày bài vào vở rồi kiểm tra | <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc đề bài trước lớp, HS khác chú ý theo dõi. - Bài toán yêu cầu tính chu vi HCN và cho biết chiều dài, chiều rộng của HCN đó. - HS thực hiện trình bày bài: |
|--|---|

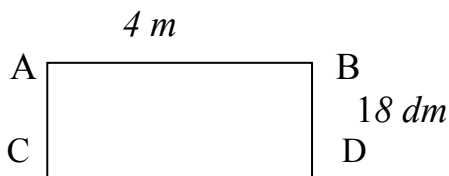
chéo.

- Nhận xét.
- Muốn tính chu vi HCN ta làm như thế nào?

-> GV chốt KT: *Củng cố cách tính chu vi HCN.*

CT: $P = (a + b) \times 2$ ($a; b$ cùng đơn vị đo)

Bài 3: Tính chu vi của hình chữ nhật có kích thước như hình:



- Gọi HS đọc đề bài.
- YCHS tự trình bày bài giải rồi kiểm tra chéo theo kỹ thuật vòng bi trong nhóm 4.
- Nhận xét, chiếu bài giải.

-> GV chốt KT: *Củng cố cách tính chu vi hình chữ nhật.*

Chú ý: Nếu chiều dài và chiều rộng của HCN phải cùng đơn vị đo.

3. Vận dụng:

Bài 4: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 55dm, chiều dài hơn chiều rộng 2m. Hỏi chu vi thửa ruộng đó là bao nhiêu?

- Gọi HS đọc đề và phân tích đề bài.

- GV cho HS quan sát phần tóm tắt bài toán:

*Tóm tắt:
Chiều rộng: $\overbrace{\hspace{2cm}}^{55dm}$
Chiều dài: $\overbrace{\hspace{2cm}}^{2m}$

- Để tính được chu vi HCN ta cần phải biết gì?

- Gọi 1 HS lên bảng làm bài, HS khác

Bài giải

Chu vi hình chữ nhật đó là:

$$(35 + 28) \times 2 = 126 (cm)$$

Đáp số 126 cm.

- HS trao đổi chéo để so sánh kết quả.
- Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2.
- HS ghi nhớ.

- HS đọc đề bài trước lớp.

Bài giải

Đổi: 4 m = 40 dm

Chu vi của hình chữ nhật đó là:

$$(40 + 18) \times 2 = 116 (dm)$$

Đáp số: 116 dm.

- HS quan sát và so sánh, kiểm tra.
- HS ghi nhớ.

- HS đọc đề bài và phân tích bài toán: bài toán cho biết: thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 15dm, chiều dài hơn chiều rộng 2m. Bài toán hỏi chu vi thửa ruộng đó là bao nhiêu?

- HS quan sát phần tóm tắt bài toán.

- Để tính được chu vi HCN ta cần phải biết chiều dài và chiều rộng của HCN đó.

- HS thảo luận nhóm và rút ra bài toán giả bằng 2 bước tính.

Bài giải

trình bày bài vào vở.

Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật đó là:

$$15 + 20 = 35 \text{ (dm)}$$

Chu vi của thửa ruộng đó là:

$$(35 + 15) \times 2 = 100 \text{ (dm)}$$

Đáp số: 100 dm.

- Nhận xét, chiếu bài giải.

-> GV chốt KT:

- Cách giải bài toán có 2 bước tính.

- Cách tính chu vi HCN:

$$P = (a + b) \times 2 \text{ (a; b cùng đơn vị đo)}$$

- Tiết học hôm nay chúng ta được củng cố những gì?

- Nhận xét tiết học. Dặn dò HS ôn tập về chu vi HCN, chu vi HV.

- HS quan sát và so sánh, kiểm tra.

TOÁN (TĂNG)

Luyện tập: Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách tính chu vi HCN, chu vi HV.

- Rèn kĩ năng tính chu vi HCN, chu vi HV, kĩ năng giải toán.

2. Năng lực chung:

- Tạo điều kiện cho HS phát triển NL tư duy và lập luận toán học; NL giải quyết vấn đề toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất trung thực chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: máy tính, PHT bài 1,2.

2. Học sinh: bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động: Trò chơi: Mời bạn chơi

- Tổ chức cho HS tham gia trò chơi.

- 1 HS nêu 1 câu hỏi về chu vi HV, chu vi HCN sau đó mời một bạn khác trả lời. Nếu trả lời đúng sẽ được phép ra câu hỏi và mời bạn khác trả lời. Nếu sai sẽ bị mất lượt chơi.

2. Luyện tập:

Bài 1: Tính chu vi hình chữ nhật rồi viết kết quả vào ô trống

Chiều dài	7cm	12cm	35dm	105m
Chiều rộng	5cm	8cm	27dm	75m
Chu vi				

- Gọi HS nêu yêu cầu của bài toán.

- Muốn tính chu vi HCN, ta làm như thế nào?

- 1 HS nêu yêu cầu của bài toán.

- HS trả lời.

- Phát PHT cho nhóm HS.
- YCHS thực hiện làm việc theo nhóm để hoàn thành bảng.
- Mời một số đại diện HS nêu kết quả.
- GV chiếu kết quả đúng, nhận xét.

- HS nhận phiếu và tiến hành hoàn thành bảng theo nhóm.
- Đại diện HS nêu kết quả.
- Nhận xét, kiểm tra đáp án.

Chiều dài	7cm	12cm	35dm	105m
Chiều rộng	5cm	8cm	27dm	75m
Chu vi	24cm	40cm	124dm	360m

-> GV chốt KT: cách tính chu vi HCN:
 $P = (a + b) \times 2$ (a; b cùng đơn vị đo).

- HS ghi nhớ.

Bài 2: Viết số đo độ dài thích hợp vào ô trống:

Cạnh hình vuông	12cm	75dm	102m	
Chu vi hình vuông				108m

- Gọi nêu yêu cầu của bài toán.
- Phát PHT cho nhóm HS.
- YCHS thực hiện làm việc theo nhóm để hoàn thành bảng.
- Mời một số đại diện HS nêu kết quả.
- GV chiếu kết quả đúng, nhận xét.

- 1 SH nêu yêu cầu của bài toán.
- HS trả lời.

- HS nhận phiếu và tiến hành hoàn thành bảng theo nhóm.
- Đại diện HS nêu kết quả.
- Nhận xét, kiểm tra đáp án.

Cạnh hình vuông	12cm	75dm	102m	27m
Chu vi hình vuông	48cm	300dm	408m	108m

- Muốn tính chu vi HCN, ta làm như thế nào?

-> GV chốt KT: Công thức tính chu vi HV:

$$P = a \times 4.$$

- Muốn tính chu vi HV ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.

- HS ghi nhớ.

Bài 3: Một hình vuông có chu vi là 256m. Tính độ dài cạnh hình vuông đó.

- YCHS đọc đề và phân tích đề bài.
- Nêu cách tính cạnh HV.
- YCHS áp dụng để tính cạnh của HV trong bài.
- GV kiểm tra, nhận và cho HS quan sát đáp án đúng.
- Vậy muốn tính cạnh của một HV khi

- HS đọc đề bài và phân tích đề bài.
- HS suy nghĩ và nêu cách tính cạnh của HV dựa vào chu vi của HV đó: $a = P : 4$
- HS thực hiện tính cạnh của HV:

Bài giải

Cạnh của hình vuông đó là:

$$256 : 4 = 64 \text{ (cm)}$$

- Muốn tính cạnh của HV ta lấy chu vi

đã biết chu vi của HV đó ta làm như thế nào?

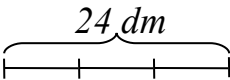
-> GV chốt KT: cách tính cạnh HV theo chu vi của hình vuông đó: $a = P : 4$

3. Vận dụng:

Bài 4: Một cái cửa hình chữ nhật có chiều dài 24 dm, chiều rộng giảm đi 3 lần so với chiều dài. Tính chu vi cái cửa đó.

- Gọi HS đọc đề bài.
- HDHS tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn thẳng.

*Tóm tắt:

Chiều dài: 

Chiều rộng: 

- Bài toán YC làm gì?
- Cái cửa đó có hình gì?
- Nêu các bước giải bài toán.

- YCHS thực hiện giải toán.
- Nhận xét, đánh giá.

-> GV chốt KT:

- Giải bài toán có đến 2 bước tính.
- Giảm một số đi một số lần.
- Tính chu vi HCN.
- Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?
- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài.

HV đó chia cho 4.

- HS chú ý ghi nhớ.

- HS đọc đề bài.
- HS quan sát.

- Bài toán YC tính chu vi cái cửa.
- Cái cửa HCN.
- HS nêu các bước giải bài toán:

B1: Tính chiều rộng cái cửa HCN:

$$CR = CD : 3 = 24 : 3 = 8 \text{ (dm)}.$$

B2: Tính chu vi cái cửa HCN:

$$P = (CD + CR) \times 2 = (24 + 8) \times 2 = 64 \text{ (dm)}.$$

- HS thực hiện giải bài toán.